TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1067**/2023/DS-PT
Ngày: 16/11/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

*Các Thẩm phán:*Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Ông Bùi Hữu Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2119/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4623/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14288/2023/QĐ-HPT ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: 1 Đường số A, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1963 và ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ cư: Số A Đường số A, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O: Luật sư Võ Đoàn P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ, Thành viên Công ty L; Địa chỉ: 2 P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: 1 Đường số A, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoàng O – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 27/5/2019, bà Nguyễn Thị Hoàng O cùng chồng là ông Huỳnh Hải Đ có thế chấp cho bà một phòng trọ số 4 để vay của bà T số tiền là 50.000.000 đồng để sửa nhà trọ (việc vay mượn, thế chấp có lập giấy tờ tay thời hạn vay đến tháng 12 trả đủ số tiền). Ngày 23/3/2020, bà O lại tiếp tục thế chấp thêm 2 phòng trọ số 2 và số 3 để vay số tiền là 100.000.000 đồng với mục đích sửa mặt bằng buôn bán (việc vay mượn thế chấp có lập giấy tờ tay thời hạn vay là 01 năm). Ngày 15/11/2020, bà O vay thêm 50.000.000 đồng để sửa nhà trọ (việc vay mượn có lập giấy tờ tay với thời hạn vay là 12 tháng). Ngày 26/11/2020, bà O cần tiền nên hỏi bà T mượn số tiền 50.000.000 đồng (việc vay mượn có lập giấy tờ tay với thời hạn vay là 20 tháng). Ngày 31/12/2020, bà O mượn thêm 50.000.000 đồng nữa (việc vay mượn có lập giấy tờ tay với thời hạn vay là 06 tháng). Ngày 20/6/2021, bà O có chơi hụi, bà O hốt 02 phần số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tranh chấp nợ hụi 100.000.000 đồng với bà O, sau này có yêu cầu bà sẽ nộp đơn lại sau. Tổng số tiền 300.000.000 đồng là tiền của bà T cho bà O vay. Số tiền 25.000.000 đồng bà O chuyển cho bà T qua Ngân hàng là tiền của bà T nhờ bà O đi thu hụi dùm, lúc đó bà T về quê và bị dịch nên bà không về thành phố được mới nhờ bà O đi thu dùm, bà chỉ nói với bà O, không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Bà T yêu cầu tính lãi theo đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện với tổng số tiền lãi là 175.000.000 đồng. Ngày 21/6/2023, bà Phạm Thị T có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng O trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi tạm tính là 175.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông Đ liên đới trả số tiền trên cho bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu bà O trả cho bà một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật tạm tính là 134.000.000 đồng. Số tiền 300.000.000 đồng bà cho bà O vay là tiền của cá nhân bà. Toàn bộ khoản vay trên các bên thỏa thuận mức lãi suất 2% chứ không phải lãi suất 10% như bà O trình bày. Bà O chỉ trả ít tiền lãi cho bà, trong số tiền 35.000.000 đồng mà bà O trình bày có 25.000.000 đồng là tiền bà nhờ bà O đi thu hụi dùm và một phần nhỏ tiền lãi, tuy nhiên bà không có chứng cứ gì chứng minh nên số tiền 25.000.000 đồng thì bà đồng ý là tiền lãi bà O đã trả bà như trình bày của bà O. Còn số tiền 10.000.000 đồng tại biên nhận ghi bà Phạm Thị T chuyển cho bà Phạm Thị T thì bà không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:

Bà xác nhận có ký giấy vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng như bà T trình bày. Đối với giấy nợ ngày 27/5/2019, bà có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng mục đích để buôn bán, bà không cho ông Đ biết và bà tự ký tên ông Đ vào giấy nhận nợ. Đối với giấy thế chấp nhà ngày 23/3/2020, bà O vay của bà T 100.000.000 đồng, có thế chấp 02 căn phòng trọ số 2 và số 3 như bà T trình bày. Đối với giấy vay ngày 15/11/2020, thực tế bà O chỉ vay 20.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng là tiền lời bà chưa trả được nên bà T cộng vào thành giấy vay 50.000.000 đồng. Đối với giấy vay ngày 26/11/2020, bà xác định thực tế vay 25.000.000 đồng, còn 25.000.000 đồng là tiền lời bà O chưa đóng được. Ngày 31/12/2020, bà O có mượn bà T thêm 25.000.000 đồng hay 27.000.000 đồng nhưng bà không nhớ chính xác, phần còn lại là tiền lời bà chưa trả cộng vào thành 50.000.000 đồng. Bà O xác nhận toàn bộ chữ ký và chữ viết trên các giấy vay nợ trên là của bà tự viết, tự ký. Về tiền lãi: Các khoản vay trên bà T cho bà O vay với lãi suất 10%/01 tháng. Bà O có trả lãi cho bà T hàng tháng mỗi lần khoảng 5.000.000 đồng hay 7.000.000 đồng nhưng không làm giấy giao nhận và cũng không có ai làm chứng. Tổng số tiền lãi bà O đưa bà T bà không nhớ đã đưa bao nhiêu. Bà O xác nhận còn nợ bà T 300.000.000 đồng nợ gốc như bà T trình bày. Bà O không có tiền để trả bà T ngay 01 lần nên bà O yêu cầu trả mỗi tháng 5.000.000 đồng. Về tiền lãi: Bà O đã trả cho bà T nhiều lần nhưng không có biên nhận, bà chỉ có 03 tờ chuyển tiền qua Ngân hàng với số tiền 35.000.000 đồng. Bà xin không tiếp tục trả tiền lãi. Bà đồng ý trả nợ gốc cho bà T 300.000.000 đồng. Bà đồng ý một mình trả nợ cho bà T không yêu cầu ông Đ liên đới cùng bà trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Hải Đ trình bày:

Khoảng năm 2013, bà O có vay của bà T một số tiền, ông đã phải trả cho bà T 100.000.000 đồng và ông yêu cầu bà T không cho bà O vay nữa, nhưng bà T vẫn tiếp tục cho bà O vay. Khi bà T cho bà O vay 300.000.000 đồng thì ông không biết, ông chỉ biết khi bà O trốn nợ bà T đến đòi nợ. Ông không có khả năng trả nợ thay cho bà O nữa. Bà O tự lo liệu trả tiền cho bà T. Ông không ký trên các giấy nợ. Các chữ ký trong các giấy nợ không phải của ông. Ông không đồng ý trả nợ thay bà O.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H trình bày:

Số tiền cho bà O vay là tiền riêng của bà T, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông thống nhất với yêu cầu của bà T, yêu cầu bà O trả cho bà T số tiền 300.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2119/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Phí, lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Luật Người cao tuổi; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T:

Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng O phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 408.144.230 đồng trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi là 108.144.230 đồng.

Kể từ tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị T yêu cầu tranh chấp nợ hụi với bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 100.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng O phải nộp số tiền 20.325.769 đồng. Do bà Nguyễn Thị Hoàng O là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà O. H1 lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0028297 ngày 20/9/2022 và 4.375.000 đồng theo Biên lai thu số 0008474 ngày 08/3/2023 cùng của Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2023, bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau: Bà Nguyễn Thị Hoàng O có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền 368.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi là 68.000.000 đồng, giảm 40.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm). Thanh toán làm 03 đợt, cụ thể: Ngày 18/12/2023 thanh toán số tiền 120.000.000 đồng; Ngày 16/01/2024 thanh toán số tiền 120.000.000 đồng; Ngày

01/3/2024 thanh toán số tiền 128.000.000 đồng. Trường hợp bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại bất kỳ đợt thanh toán nào (với thời điểm vi phạm được tính là sau 5 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán), bà O có trách nhiệm thanh toán thêm cho bà T số tiền 20.000.000 đồng (tương đương 50% số tiền lãi đã được giảm).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cũng như án phí dân sự sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm, sửa bán án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội, đồng thời Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng O được miễn án phí. H1 lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Nguyễn Thị Hoàng O được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2119/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị T yêu cầu tranh chấp nợ hụi với bà Nguyễn Thị Hoàng O với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng O có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền 368.000.000 (ba trăm sáu mươi tám triệu) đồng (trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi là 68.000.000 đồng, giảm 40.000.000 đồng tiền lãi). Thanh toán làm 03 (ba) đợt, cụ thể:

+ Đợt 1: Ngày 18/12/2023 thanh toán số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng;

+ Đợt 2: Ngày 16/01/2024 thanh toán số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng;

+ Đợt 3: Ngày 01/3/2024 thanh toán số tiền 128.000.000 (một trăm hai mươi tám triệu) đồng.

- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Hoàng O vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại bất kỳ đợt thanh toán nào (với thời điểm vi phạm được tính là sau 5 (năm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán), bà Nguyễn Thị Hoàng O có trách nhiệm thanh toán thêm cho bà Phạm Thị T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp các bên không tự thực hiện thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Huỳnh Hải Đ được miễn án phí.

- Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí. H1 lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Biên lai thu số 0028297 ngày 20/9/2022 và 4.375.000 (bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0008474 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn thị Hoàng O1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- VKS nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKS nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tài